

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2023/QĐST-KDTM

Ba Đình, ngày 13 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 144; khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý vụ án số 158/2022/TLST – DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2023 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N(Agribank). Địa chỉ trụ sở chính: phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn Vượng - Chức vụ: Tổng Giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hồng Anh-Phó giám đốc Agribank Chi nhánh Hồng Hà (Theo Quyết định số 01/QĐ-NHNo.HH-TH ngày 03/01/2023)

- **Bị đơn:** Công ty T; Trụ sở: phố Ngọc Hà, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Kiên Chính - Tổng Giám đốc; Đại diện ủy quyền: Ông Vũ Kiên Trung, ông Vũ Văn Tuấn (Theo Giấy ủy quyền ngày 17/11/2022).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ và trách nhiệm trả nợ:

- Công ty T xác nhận còn nợ Ngân hàng Nsố tiền tạm tính đến ngày 05/01/2023 là: **87.615.134.630** (Tám mươi bảy tỷ, sáu trăm mười lăm triệu, một trăm ba mươi tư nghìn, sáu trăm ba mươi) đồng. Trong đó: Nợ gốc: **82.765.675.869** (Tám mươi hai tỷ, bảy trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm sáu mươi chín) đồng, Nợ lãi trong hạn: **4.584.550.642** (Bốn tỷ, năm trăm tám mươi tư triệu, năm trăm năm mươi nghìn, sáu trăm bốn mươi hai) đồng; Nợ lãi quá hạn: **400.961.285** (Bốn trăm triệu, chín trăm sáu mươi một nghìn, hai trăm tám mươi lăm) đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 1260-LAV-201900407 ngày 06/12/2019; Phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 05/4/2021; Phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 06/7/2022; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng lần 2 ngày 06/5/2021; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng lần 3 ngày 03/11/2021; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng lần 4 ngày 03/5/2022.

2.2. Về phương án và lộ trình trả nợ cụ thể như sau:

Công ty T phải thanh toán cho Ngân hàng Nsố tiền tạm tính đến ngày 05/01/2023 là: **87.615.134.630** (Tám mươi bảy tỷ, sáu trăm mười lăm triệu, một trăm ba mươi tư nghìn, sáu trăm ba mươi) đồng. Trong đó: Nợ gốc: **82.765.675.869** (Tám mươi hai tỷ, bảy trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm sáu mươi chín) đồng, Nợ lãi trong hạn: **4.584.550.642** (Bốn tỷ, năm trăm tám mươi tư triệu, năm trăm năm mươi nghìn, sáu trăm bốn mươi hai) đồng; Nợ lãi quá hạn: **400.961.285** (Bốn trăm triệu, chín trăm sáu mươi một nghìn, hai trăm tám mươi lăm) đồng, cụ thể như sau:

- Đợt 1: Chậm nhất ngày 30/6/2023 Công ty T thanh toán cho Ngân hàng Nsố tiền: **1.800.000.000** (Một tỷ, tám trăm triệu) đồng, trừ vào nợ gốc;

- Đợt 2: Chậm nhất ngày 30/12/2023 Công ty T thanh toán cho Ngân hàng Nsố tiền: **3.000.000.000** (Ba tỷ) đồng, trừ vào nợ gốc;

- Đợt 3: Chậm nhất ngày 30/6/2024 Công ty T thanh toán cho Ngân hàng Nsố tiền: **3.600.000.000** (Ba tỷ, sáu trăm triệu) đồng, trừ vào nợ gốc;

- Đợt 4: Chậm nhất ngày 30/12/2024 Công ty T thanh toán cho Ngân hàng Nsố tiền: **3.600.000.000** (Ba tỷ, sáu trăm triệu) đồng, trừ vào nợ gốc;

- Đợt 5: Chậm nhất ngày 30/6/2025 Công ty T thanh toán cho Ngân hàng Nsố tiền: **12.000.000.000** (Mười hai tỷ) đồng, trừ vào nợ gốc;

- Đợt 6: Chậm nhất ngày 30/12/2025 Công ty T thanh toán cho Ngân hàng Nsố tiền: **12.000.000.000** (Mười hai tỷ) đồng, trừ vào nợ gốc;

- Đợt 7: Chậm nhất ngày 30/6/2026 Công ty T thanh toán cho Ngân hàng Nsố tiền: **12.000.000.000** (Mười hai tỷ) đồng, trừ vào nợ gốc;

- Đợt 8: Chậm nhất ngày 30/12/2026 Công ty T thanh toán cho Ngân hàng Nsố tiền: **12.000.000.000** (Mười hai tỷ) đồng, trừ vào nợ gốc;

- Đợt 9: Chậm nhất ngày 30/6/2027 Công ty T thanh toán cho Ngân hàng Số tiền: **11.000.000.000** (Mười một tỷ) đồng, trừ vào nợ gốc;

- Đợt 10: Chậm nhất ngày 30/12/2027 Công ty T thanh toán cho Ngân hàng Số tiền: **11.765.675.869** (Mười một tỷ, bảy trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm sáu mươi chín) đồng trừ vào nợ gốc và toàn bộ nợ lãi còn lại cho Ngân hàng Ntheo hợp đồng tín dụng số: 1260-LAV-201900407 ngày 06/12/2019;

Kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2023, Công ty T phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 1260-LAV-201900407 ngày 06/12/2019 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Trong lộ trình trả nợ, nếu Công ty T không thực hiện đúng và đủ nghĩa vụ trả nợ hoặc vi phạm bất kỳ đợt trả nợ nào như đã thỏa thuận trên, thì Ngân hàng Ncó quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ là:

1. Toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 740671; Sổ vào sổ cấp GCN: CT02855 do UBND tỉnh Hoà Bình cấp ngày 16/06/2014 và máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp tài sản công chứng số: 1453; Quyền số: 01/2018/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/10/2018 tại Văn Phòng Công chứng số 2 tỉnh Hòa Bình và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản liên quan, các hóa đơn, hợp đồng mua bán.

2. Toàn bộ tài sản cùng các quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL740508; Sổ vào sổ cấp GCN: CT03223 do UBND tỉnh Hòa Bình cấp ngày 12/12/2014 mang tên Công ty T.

3. Toàn bộ tài sản cùng các quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL740507; Sổ vào sổ cấp GCN: CT03222 do UBND tỉnh Hòa Bình cấp ngày 12/12/2014 mang tên Công ty T.

4. Toàn bộ tài sản cùng các quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL740506; Sổ vào sổ cấp GCN: CT03221 do UBND tỉnh Hòa Bình cấp ngày 12/12/2014 mang tên Công ty T.

5. Toàn bộ tài sản cùng các quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL740505; Sổ vào sổ cấp GCN: CT03220 do UBND tỉnh Hòa Bình cấp ngày 12/12/2014 mang tên Công ty T.

6. Toàn bộ tài sản cùng các quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL740504; Số vào sổ cấp GCN: CT03219 do UBND tỉnh Hòa Bình cấp ngày 12/12/2014 mang tên Công ty T.

7. Toàn bộ tài sản cùng các quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL740503; Số vào sổ cấp GCN: CT03218 do UBND tỉnh Hòa Bình cấp ngày 12/12/2014 mang tên Công ty T.

Giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp số: 4456 quyền số 03/2022, TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/6/2022 tại Văn Phòng Công chứng số 1 tỉnh Hòa Bình và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản liên quan.

Toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất của thửa đất tọa lạc tại địa chỉ: Tiểu khu 11, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD973227; Số vào sổ cấp GCNQSDĐ: Too432 do UBND tỉnh Hòa Bình cấp ngày 02/8/2007 mang tên Công ty T.

Giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp số: 276/HĐTC-TL ký ngày 27/06/2022 ký kết giữa Công ty T với Ngân hàng N- Chi nhánh Hồng Hà.

Trong trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, thì Công ty T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Ncho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với: Quyền sở hữu trái phiếu: mã số Agribank 182801- 12600063 ngày 25/12/2018 do Công ty CP CK Agribank phát hành cho Công ty T theo Hợp đồng cầm cố số 01-2022/HĐCC-HH-TL ký ngày 06/07/2022 do nguyên đơn rút yêu cầu.

4. Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty T tự nguyện chịu toàn bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là **97.807.567** (*Chín mươi bảy triệu, tám trăm linh bảy nghìn, năm trăm sáu mươi bảy*) đồng (chưa nộp).

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp **50.000.000** (*Năm mươi triệu*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: **0002662** ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;*
- *Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Nhung